

UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SGD&ĐT-TrH
V/v hướng dẫn nội dung ôn thi học sinh giỏi
cấp tỉnh năm học 2024-2025.

Hòa Bình, ngày tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Các trường Trung học phổ thông;
- Các trường PT DTNT THCS&THPT;
- Trường PT DTNT THCS B Đà Bắc;
- Trường PT Liên cấp Sao Mai, Hòa Bình.

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Công văn số 2336/SGD&ĐT-TrH ngày 29/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2024-2025; Công văn số 2423/SGD&ĐT-QLCLGD ngày 09/9/2024 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2024-2025,

Để tạo điều kiện cho giáo viên, học sinh ôn tập, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh thuận lợi và đạt kết quả tốt, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung ôn thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2024-2025 theo Phụ lục gửi kèm.

(Gửi kèm đề thi tham khảo các môn)

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị, trường học thông báo đến toàn thể giáo viên và học sinh biết để công tác ôn tập đạt kết quả tốt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các Phó GD;
- Website ngành;
- Lưu: VT, TrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Thị Hương

Phụ lục**HƯỚNG DẪN ÔN THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH
NĂM HỌC 2024-2025***(Kèm theo Công văn số: /SGD&ĐT-TrH, ngày /9/2024 của Sở GD&ĐT)***PHẦN I: CẤP THCS****1. Môn Toán**

TT	Nội dung	Ghi chú
I	SỐ HỌC	
1	Số nguyên tố - hợp số: Sử dụng được khái niệm về số nguyên tố, hợp số để giải các dạng toán có liên quan.	
2	Sử dụng tích chất chia hết và dấu hiệu chia hết trong tập số nguyên để giải các bài toán có liên quan.	
3	Phương trình nghiệm nguyên: Sử dụng tính chất chia hết, tính chất của số nguyên tố, số chính phương, biến đổi đại số để tìm các cặp số nguyên thỏa mãn điều kiện đầu bài	
4	Toán logic: Sử dụng suy luận logic để giải quyết một tình huống giả định trong thực tế	
II	ĐẠI SỐ	
1	Biến đổi biểu thức đại số: <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đa thức thành nhân tử. - Rút gọn, tính toán, chứng minh với các biểu thức hữu tỉ, vô tỉ Các bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến tính toán và rút gọn biểu thức	
2	Phương trình và hệ phương trình <ul style="list-style-type: none"> a) Giải phương trình đưa về phương trình bậc nhất, bậc 2(PT bậc cao, PT vô tỉ, PT chứa ẩn ở mẫu thức) - Giải hệ phương trình đưa về hệ bậc nhất - PT và hệ phương trình có chứa tham số 	
	b) Ứng dụng được định lý Vi – ét với các bài toán về nghiệm của phương trình bậc 2. Sử dụng phương trình và hệ phương trình để giải quyết các bài toán thực tiễn	
3	Hàm số và đồ thị Sự tương giao giữa đường thẳng (d) và (P) Bài toán thực tiễn gắn với hàm số và đồ thị	
4	Bất đẳng thức và bất phương trình <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các tính chất để chứng minh bất đẳng thức - Sử dụng các bất đẳng thức cổ điển (AM-GM, Bunhiacopsky, Cauchy Schwarz hai số để chứng minh BĐT và tìm cực trị -Giải BPT và các vấn đề liên quan. 	
III	HÌNH HỌC PHẪNG	
1	Sử dụng tính chất các hình (Bình hành, CN, thoi, Vuông) để	

	chứng minh các tính chất hình học và quan hệ hình học.	
2	Sử dụng định lý Thales trong tam giác, đường trung bình trong tam giác, tam giác đồng dạng để chứng minh các tính chất hình học, quan hệ hình học...và các vấn đề thực tiễn.	
3	Sử dụng định lý Pitago trong tam giác vuông, tỉ số lượng giác của góc nhọn để giải quyết các bài toán thực tiễn.	
4	Sử dụng các vấn đề về đường tròn, góc với đường tròn, tứ giác nội tiếp... để chứng minh hình học.	Không dùng góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.
IV HÌNH HỌC TRỰC QUAN		
1	Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều)	
2	Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình trụ, hình nón, hình cầu,...).	
V THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
1	Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu	
2	Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất	

2. Môn Khoa học tự nhiên

2.1. Nội dung bắt buộc

STT	Nội dung ôn thi	Ghi chú
1	- Tính quãng đường, vận tốc, thời gian. - Khối lượng riêng và áp suất.	
2	- Bài tập viết phương trình hoá học về tính chất hoá học của các hợp chất vô cơ, hữu cơ đã học.	
3	- Các câu hỏi khái niệm về: tế bào, môi trường và các nhân tố sinh thái, hệ sinh thái, di truyền và biến dị.	

2.2. Nội dung lựa chọn

2.2.1. PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI (KHTN 1)

TT	Nội dung ôn thi	Ghi chú
1	Chuyển động cơ học.	
2	Khối lượng riêng và áp suất.	
3	Đòn bẩy và ứng dụng.	
4	Nhiệt Học - Tính nhiệt lượng và các đại lượng liên quan. - Trao đổi nhiệt chưa dẫn đến sự chuyển thể.	Bỏ nội dung: Trao đổi nhiệt có sự chuyển thể của các chất
5	Năng lượng cơ học.	
6	Thấu kính hội tụ, Thấu kính phân kì.	
7	Điện học.	

2.2.2. CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT (KHTN 2)

TT	Nội dung ôn thi	Ghi chú
	I. Lý thuyết 1. Nguyên tử. liên kết hóa học - Nguyên tử; - Giới thiệu về liên kết hoá học - Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. 2. Hợp chất vô cơ - Tính chất hóa học của: oxide, acid, base, muối; - Điều chế các hợp chất vô cơ; - Phân bón hóa học. 3. Kim loại - Tính chất hóa học chung của kim loại, dãy hoạt động hóa học của kim loại, sự khác nhau giữa kim loại nhôm, sắt, vàng; - Phương pháp tách 1 số kim loại; 4. Hydro carbon và dẫn xuất - Tính chất hóa học của alkane, alkene, alcohol ethylic, acetic acid, lipid, protein, polymer, glucose, sachhcarose, tinh bột và xellulose. - Điều chế: ethylic, acetic acid, tinh bột, polymer. 5. Tổng hợp kiến thức - Tổng hợp kiến thức hóa học các hợp chất vô cơ, hoá học hữu cơ. - Bài tập về kiến thức, kỹ năng thực hành vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống. - Các dạng bài tập định tính, định lượng liên quan đến kiến thức đã học.	- Bỏ bài toán hạt sử dụng kiến thức: $p \leq n \leq 1,5p$ - Bài tập định lượng muối Al^{3+} tác dụng với dung dịch kiềm. - Bài tập cân bằng phản ứng bằng phương pháp thăng bằng electron; giải bài tập bằng sử dụng định luật bảo toàn electron. - Bỏ bài tập oxide acid P_2O_5 tác dụng với dung dịch kiềm; - Bài tập định lượng kim loại tác dụng với dung dịch muối. - Độ tan, pha trộn dung dịch không xảy ra phản ứng, tinh thể hidrat;

2.2.3. VẬT SỐNG

TT	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	Ghi chú
Lớp 6	Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	- Khái niệm - Cấu tạo và chức năng tế bào - Từ tế bào đến cơ thể <i>(Cấu tạo phù hợp với chức năng của các thành phần cấu trúc và bào quan)</i>	
Lớp 8	Môi trường và các nhân tố sinh thái	- Khái niệm - Nhân tố sinh thái vô sinh, hữu sinh	
	Hệ sinh thái	Quần thể; quần xã; hệ sinh thái; Sinh quyển	
	Cân bằng tự nhiên	- Khái niệm, nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên - Biện pháp duy trì cân bằng tự nhiên	
	Bảo vệ môi trường	- Tác động của con người đối với môi trường - Ô nhiễm môi trường - Biến đổi khí hậu	

		<ul style="list-style-type: none"> - Gìn giữ thiên nhiên - Hạn chế ô nhiễm môi trường 	
Lớp 9	Hiện tượng di truyền	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm di truyền, biến dị - Gene 	
	Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel - Thuật ngữ, kí hiệu - Lai 1 cặp tính trạng - Lai 2 cặp tính trạng 	
	Từ gene đến protein	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất hoá học của gene - Đột biến gene - Quá trình tái bản DNA - Quá trình phiên mã - Quá trình dịch mã - Từ gene đến tính trạng 	
	Nhiễm sắc thể	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm nhiễm sắc thể - Cấu trúc nhiễm sắc thể - Đặc trưng bộ nhiễm sắc thể - Bộ nhiễm sắc thể: lưỡng bội, đơn bội - Đột biến nhiễm sắc thể 	
	Di truyền nhiễm sắc thể	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên phân - Giảm phân - Cơ chế xác định giới tính - Di truyền liên kết 	
	Di truyền học với con người	<ul style="list-style-type: none"> - Tính trạng ở người. - Bệnh và tật di truyền ở người. - Di truyền học với hôn nhân. 	
	Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ di truyền. - Đạo đức sinh học. 	

3. Môn Ngữ văn

- Viết bài văn nghị luận xã hội (*dạng bài đã học ở lớp 8,9*).
- Bình luận một vấn đề lí luận văn học gắn với đặc trưng của thể loại thơ, truyện đã học trong chương trình lớp 8, 9.

* Lưu ý:

3.1. Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa. Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề thi chính thức không quá 1200 chữ.

3.2. Ngữ liệu là văn bản văn thuộc các thể loại:

a. Thơ

- Lớp 8: Thơ sáu chữ, bảy chữ hiện đại Việt Nam;
- Lớp 9: Thơ tám chữ hiện đại Việt Nam.

b. Truyện

- Lớp 8: Truyện ngắn hiện đại Việt Nam.

- Lớp 9: Truyện truyền kì, Truyện thơ Nôm bác học.

3.3. Nội dung ngữ liệu gắn với các chủ đề thuộc các văn bản mà học sinh đã học trong chương trình, gần gũi với học sinh, được lấy từ nguồn đáng tin cậy, ghi rõ xuất xứ.

3.4. Ngữ liệu thuộc câu viết bài nghị luận văn học cần có chú thích về tác giả, tác phẩm, giải thích những từ khó. Nếu là đoạn trích cần tóm lược nội dung trước đó.

3.5. Nhận định lí luận văn học cần rõ ràng, tránh trừu tượng, mơ hồ, khó hiểu; vấn đề lý luận nằm trong chương trình Ngữ văn cấp THCS.

4. Môn Lịch sử và Địa lí

4.1. Nội dung bắt buộc

Chuyên đề	Nội dung
Chủ đề chung (2 chủ đề chung lớp 8)	Chủ đề chung 1: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long Chủ đề chung 2. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

4.2. Nội dung lựa chọn

Nội dung ôn thi		Ghi chú
PHÂN MÔN LỊCH SỬ		
Lịch sử thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến tranh lạnh (1947 – 1989) - Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 - Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 (Nhật Bản, Trung Quốc) 	
Lịch sử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939 - Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám - Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954 	
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ		
Địa lí tự nhiên Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam - Địa hình Việt Nam - Khí hậu và thủy văn Việt Nam 	Bổ nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm khu vực địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa ở nước ta. - Một số hệ thống sông lớn ở nước ta
Địa lí dân cư Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng dân số ở các thời kì - Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính - Phân bố dân cư 	

Địa lí các ngành kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nông, lâm, thủy sản - Công nghiệp - Dịch vụ 	Bổ nội dung: Một số ngành dịch vụ (Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch)
Sự phân hoá lãnh thổ	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng đồng bằng sông Hồng - Duyên hải Nam Trung Bộ 	Bổ nội dung: Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của (Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Nam Trung Bộ)
Kĩ năng Địa lí	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng số liệu: nhận xét và giải thích - Các kĩ năng tính toán: <ul style="list-style-type: none"> + Tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên + Tính tỉ số giới tính của dân số + Tính mật độ dân số, dân số + Tính tỉ lệ dân số thành thị, nông thôn + Tính diện tích, sản lượng, năng suất, bình quân lương thực theo đầu người + Tính tỉ trọng (cơ cấu) + Tính tốc độ tăng trưởng 	

5. Môn Giáo dục công dân

Lớp	Phần	Nội dung
8	Đạo đức	Bài 1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam Bài 4. Bảo vệ lẽ phải
	KNS	Bài 7. Xác định mục tiêu cá nhân
	Pháp luật	Bài 6. Phòng chống bạo lực gia đình Bài 10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân
9	Đạo đức	Bài 2. Khoan dung Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng Bài 5. Bảo vệ hoà bình
	KNS	Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả
	Kinh tế	Bài 8. Tiêu dùng thông minh

6. Môn Tiếng Anh

6.1. Ngữ âm: Thuộc chương trình SGK lớp 8, 9 (chương trình GDPT 2018- Global Success và I learn smart world).

Gồm 2 dạng bài:

1- Chọn từ có phần gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.

2-Trọng âm của từ

6.2. Từ vựng và cấu trúc ngữ pháp: Thuộc chương trình SGK lớp 8, 9 (chương trình GDPT 2018- Global Success và I learn smart world).

a. Từ vựng: Noun, adjective, adverb, gerund...

b. Cấu trúc:

- Câu chủ động, bị động
- Câu trực tiếp, gián tiếp
- Câu điều kiện (Loại I, II, III) và các loại mở rộng
- Câu giả định
- Mệnh đề quan hệ
- Mệnh đề trạng ngữ
- Các hình thức so sánh
- Đảo ngữ
- Các thì và hình thái của động từ; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ

từ

- Liên từ, giới từ, cụm từ
- Cụm động từ
- Thành ngữ
- Động từ khuyết thiếu và các cấu trúc hoàn thành của ĐT khuyết

thiếu

- Các cấu trúc khác thuộc chương trình SGK lớp 8, 9.

Gồm 3 dạng bài:

- 1-Multiple choice.
- 2-Verb form
- 3-Word form

6.3. Đọc hiểu: Chủ đề thuộc chương trình SGK 8, 9 (chương trình GDPT 2018- Global Success và I learn smart world).

Gồm 3 dạng bài:

- 1-Đọc bài và chọn đáp án đúng.
- 2-Đọc bài, điền 1 từ vào chỗ trống.
- 3-Đọc bài và chọn đáp án đúng liên quan đến thông tin có trong bài

đọc.

6.4. Viết:

- Chữa lỗi sai trong câu.
- Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
- Dùng từ gợi ý viết thành câu hoàn chỉnh
- Viết đoạn văn có chủ đề thuộc chương trình SGK lớp 8, 9.

6.5. Nghe: Chủ đề thuộc chương trình SGK lớp 8, 9

Gồm 2 dạng bài:

1-Nghe và chọn đáp án đúng.

2-Nghe và điền thông tin.

7. Môn Tin học

a) Nội dung

Sử dụng ngôn ngữ lập trình Pascal, C++, Python, Scratch giải các bài toán cấp THCS, khuyến khích sử dụng kiến thức có liên quan đến các môn học khác trong chương trình SGK cấp THCS tính đến thời điểm tổ chức thi (học sinh có thể sử dụng 1 trong 4 ngôn ngữ lập trình trên).

b) Hình thức thi: Lập trình trên máy tính.

c) Lưu ý:

- Mỗi đề thi có: 2 bài bắt buộc sử dụng NNLT Scratch và 2 bài lập trình tự chọn (Scratch, Pascal, C++, Python)

- Scratch 3.0;

- Free Pascal;

- C++ phiên bản (sử dụng thư viện chuẩn);

- Python chạy trên nền Thonny

Các kiến thức Tin học:

Đề thi cần đảm bảo có các dạng bài sau:

- Cấu trúc đơn giản (Chưa điều khiển)

- Cấu trúc điều khiển (Rẽ nhánh, lặp....)

- Dữ liệu kiểu mảng.

- Các thuật toán số học.

PHẦN II: CẤP THPT BẢNG A

1. Môn Toán

1.1. Nội dung kiến thức cơ bản

Chuyên đề	Nội dung
Hình học không gian	1. Quan hệ vuông góc trong không gian: Quan hệ vuông góc giữa hai đường thẳng, đường thẳng và mặt phẳng, hai mặt phẳng.
	2. Góc và khoảng cách trong không gian.
	3. Công thức tính thể tích hình chóp, hình lăng trụ.
Ứng dụng đạo hàm trong khảo sát và vẽ đồ thị hàm số	1. Đơn điệu và cực trị của hàm số
	2. GTLN-GTNN của hàm số
	3. Tiệm cận của đồ thị hàm số
	4. Khảo sát sự biến thiên, vẽ đồ thị hàm số và ứng dụng.
Hàm số mũ và hàm số lôgarit	1. Phép tính lôgarit
	2. Phương trình, bất phương trình lôgarit cơ bản
Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	1. Phương trình lượng giác cơ bản

1.2. Nội dung kiến thức chuyên đề

Phân môn	Chuyên đề	Nội dung
Đại số	Bất đẳng thức	1. Các phương pháp đại số chứng minh bất đẳng thức. - Sử dụng các bất đẳng thức cổ điển (AM-GM, Cauchy Schwarz) để chứng minh bất đẳng thức. - Các phương pháp biến đổi đại số: SOS, dồn biến, PQR.
		2. Các bài toán cực trị - Cực trị hàm một biến - Bất đẳng thức và bài toán cực trị
	Phương trình đại số	3. Phương trình, hệ phương trình đa thức và quy về đa thức - Phương trình đại số bậc cao: phương trình bậc 3, 4, một số dạng phương trình đại số bậc cao. - Phương pháp giải các hệ phương trình đa thức. - Phương trình, hệ phương trình chứa căn thức: chuyển đổi được các phương trình, hệ phương trình chứa căn thức về phương trình đa thức bằng cách đặt ẩn phụ hoặc biến đổi tương đương.
	Phương trình hàm	4. Phương trình hàm - Phương trình hàm Cauchy và ứng dụng. - Lớp hàm số sinh bởi các phép tính số học

		- Phương trình hàm tuyến tính và phân tuyến tính - Phương trình hàm trên tập số nguyên (dãy số)
Giải tích	Các định lý cơ bản của Giải tích và ứng dụng	1. Các định lý cơ bản của giải tích: - Tính chất của hàm liên tục, các định lý Rolle, Lagrange, Cauchy. - Ứng dụng các định lý trên trong giải toán: tìm điều kiện có nghiệm, chứng minh bất đẳng thức, tính giới hạn, tính giá trị của hàm số tại các điểm cực trị.
	Dãy số và giới hạn	2. Dãy số và giới hạn: - Định nghĩa giới hạn dãy số. - Các định lý về giới hạn: dãy số đơn điệu và bị chặn, định lý về dãy số sinh bởi hàm số, giới hạn kẹp... để tìm giới hạn dãy số.
	Đa thức	3. Đa thức và nghiệm - Đa thức. Các phép toán trên đa thức. Bậc của đa thức. Nghiệm của đa thức. Khái niệm nghiệm bội. Các định lý cơ bản của lý thuyết đa thức: định lý Bezout; định lý Vi-et thuận và đảo; định lý cơ bản của đại số và các hệ quả.
		4. Nội suy đa thức - Nội suy Lagrange
Tổ hợp	Tính toán tổ hợp	1. Ứng dụng công thức, nguyên tắc cộng và nguyên tắc nhân - Các công thức tổ hợp, phân chia bài toán để áp dụng qui tắc cộng và qui tắc nhân.
		2. Một số nguyên tắc đếm nâng cao - Nguyên lý bù trừ, đếm bằng hai.

2. Môn Vật lí

TT	Lớp	Nội dung	Ghi chú
1	10	Cơ học chất điểm: - Động học chất điểm - Động lực học chất điểm - Các Định luật bảo toàn và biến thiên	Dùng trong nền bài toán dao động, nhiệt, điện, quang.
		Cơ Vật rắn: - Động học - Động lực học	
2	11	Dao động cơ - Dao động điều hòa; - Dao động tắt dần; - Hiện tượng cộng hưởng.	
3		Giao thoa ánh sáng: - Giao thoa với một ánh sáng đơn sắc; - Giao thoa với hai ánh sáng đơn sắc; - Giao thoa với ánh sáng trắng.	
4		Điện tích điện trường. - Lực tương tác giữa hai điện tích	

		<ul style="list-style-type: none"> - Điện trường của hệ điện tích - Thế năng điện. - Tụ điện và điện dung - Định lí OG - Bài toán Ảnh điện 	
		Điện một chiều: <ul style="list-style-type: none"> - Cường độ dòng điện; - Mạch điện trở; - Năng lượng điện, công suất điện 	
5	12	Vật lý nhiệt <ul style="list-style-type: none"> - Sự chuyển thể của các chất; - Định luật 1 của nhiệt động lực học; - Thang nhiệt độ, nhiệt kế; - Nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hóa hơi riêng. 	
6		Khí lý tưởng <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình động học phân tử chất khí; - Định luật Boyle, Charles; - Phương trình trạng thái của khí lý tưởng; - Áp suất khí theo mô hình động học phân tử; - Động năng phân tử. 	
7		Từ trường <ul style="list-style-type: none"> - Từ trường - Lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện. Cảm ứng từ. - Cảm ứng điện từ. - Máy điện và động cơ điện. - Máy biến áp - Sóng điện từ 	
8		Hạt nhân <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc hạt nhân. - Năng lượng hạt nhân - Các định luật bảo toàn trong phản ứng hạt nhân. - Phóng xạ. - Phân hạch, nhiệt hạch. 	

3. Môn Hóa học

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Phản ứng oxi hóa khử	Kiến thức thi THPT quốc gia
2	Nitrogen - sulfur	
3	Hidrocarbon	
4	Alcohol – Phenol Hợp chất carbonyl (aldehyde, ketone) - Carboxylic acid	
5	Ester-Lipid	

6	Cacbohydrate	(50%)
7	Hợp chất chứa nitrogen	
8	Polymer	
9	Đại cương kim loại	
10	Kim loại kiềm, kiềm thổ.	
11	Nguyên tử, liên kết hóa học	Kiến thức chuyên sâu (50%)
12	Phản ứng hạt nhân	
13	Động hoá học hình thức	
14	Nhiệt hoá học	
15	Cân bằng ion trong dung dịch	
16	Thế điện cực - Pin điện	
17	Hoá nguyên tố kim loại – Phức chất	
18	Đại cương hoá hữu cơ: Hiệu ứng cấu trúc, tính axit-bazơ	

4. Môn Sinh học

LỚP	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	Ghi chú
10	TẾ BÀO	<ul style="list-style-type: none"> - Các phân tử sinh học. - Chu kì tế bào và nguyên phân. - Giảm phân. - Thực hành làm tiêu bản NST để quan sát quá trình nguyên phân, giảm phân ở tế bào thực vật, động vật. 	15-20%
11	SINH HỌC CƠ THỂ	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi nước và khoáng ở thực vật. - Quang hợp ở thực vật. - Hô hấp ở thực vật. - Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật. - Hô hấp ở động vật. - Hệ tuần hoàn ở động vật. - Miễn dịch ở người và động vật. - Bài tiết và cân bằng nội môi. 	25-30%
12	DI TRUYỀN HỌC	<ul style="list-style-type: none"> - Gene và sự tái bản DNA. - Sự biểu hiện thông tin di truyền. - Điều hòa biểu hiện gene - Đột biến gene. - Nhiễm sắc thể và cơ chế di truyền nhiễm sắc thể. - Đột biến NST. 	50-60%

		<ul style="list-style-type: none"> - Di truyền Mendel và mở rộng học thuyết Mendel. - Di truyền liên kết giới tính, liên kết gene và hoán vị gene. - Di truyền ngoài nhân - Di truyền học quần thể. 	
--	--	---	--

5. Môn Tin học

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Lệnh rẽ nhánh, lặp	- Hình thức thi: lập trình trên máy tính
2	Cấu trúc mảng một chiều, nhiều chiều	
3	Các thuật toán tìm kiếm và xử lý chuỗi ký tự	
4	Phương pháp Duyệt toàn bộ	
5	Phương pháp Tìm kiếm nhị phân	
6	Phương pháp Tham lam	
7	Phương pháp Quy hoạch động	
8	Tìm kiếm DFS, BFS đơn giản trên đồ thị	

6. Môn Ngữ văn

Cấu trúc đề	Gồm 2 câu	
	Nghị luận xã hội (8,0 điểm)	Nghị luận văn học (12,0 điểm)
Dạng câu hỏi	Viết 1 bài văn bàn về một vấn đề xã hội.	Viết bài văn làm rõ vấn đề lý luận văn học bằng hiểu biết về các tác phẩm văn học.
Phạm vi kiến thức	Không giới hạn vấn đề nghị luận.	<ul style="list-style-type: none"> * Các vấn đề lý luận: - Đặc trưng văn học; - Chức năng văn học; - Phong cách văn học; - Đặc trưng thể loại: thơ, truyện, kí, kịch; - Nhà văn và quá trình sáng tạo; - Tiếp nhận văn học. * Tác phẩm văn học: không có giới hạn.

7. Môn Lịch sử

TT	Lớp	Tên chủ đề/chuyên đề	Ghi chú
1	11	Chủ đề 4: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước CMT8 năm 1945)	
2		Chủ đề 1: Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh	

3	12	Chủ đề 2: ASEAN: những chặng đường lịch sử	
4		Chủ đề 3: Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (1945 - nay)	
5		Chủ đề 4: Công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	

8. Môn Địa lí

STT	CHỦ ĐỀ	ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC	CẤP ĐỘ TƯ DUY
1	Lớp 10 - Địa lí tự nhiên - Địa lí kinh tế - xã hội	Năng lực nhận thức địa lí Năng lực tìm hiểu địa lí Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Thông hiểu/Vận dụng/Vận dụng cao
2	Lớp 11 - Một số vấn đề kinh tế - xã hội thế giới - Địa lí khu vực và quốc gia	Năng lực nhận thức địa lí Năng lực tìm hiểu địa lí Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Thông hiểu/Vận dụng
3	Lớp 12 - Địa lí tự nhiên - Địa lí dân cư - Địa lí các ngành kinh tế - Địa lí vùng kinh tế (Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng)	Năng lực nhận thức địa lí Năng lực tìm hiểu địa lí Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Thông hiểu/Vận dụng/Vận dụng cao
4	Kỹ năng Địa lí: Phân tích bảng số liệu (tính toán, nhận xét, giải thích)	Năng lực tìm hiểu địa lí Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Thông hiểu/Vận dụng

9. Môn Tiếng Anh

A. Nghe

- Nội dung và mức độ phù hợp với chương trình SGK lớp 11 và đến Unit 8 SGK lớp 12 chương trình hệ 10 năm.

- Dạng bài:

1-True/False

2-MCQ

3-Gap filling.

4-Answer the question

B. Ngữ âm

- Sound and stress - giới hạn trong chương trình SGK lớp 10, 11 và đến Unit 8 SGK lớp 12 chương trình hệ 10 năm.

C. Từ vựng ngữ pháp

- Từ vựng: Thuộc chương trình SGK lớp 10, 11, 12. - như thi THPTQG

- Ngữ pháp:

+ Thì của động từ.

+ Câu điều kiện loại 2, 3, loại hỗn hợp và các dạng đảo ngữ với câu điều kiện.

+ Cụm động từ.

+ Câu gián tiếp.

+ Mệnh đề quan hệ.

+ Câu bị động.

+ Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ.

+ Câu giả định.

+ Đảo ngữ.

+ Liên từ.

+ Từ đồng nghĩa, trái nghĩa.

+ Các cấu trúc đặc biệt khác.

+ Câu giao tiếp.

+ Thành ngữ

+ Dạng từ

+ Từ cùng trường nghĩa

- Dạng bài tập:

1-Multiple choice questions (Vocab & Gram)

2-Word formation

3-Error correction (- Xác định lỗi sai trong câu hoặc đoạn văn và sửa.)

D. Đọc hiểu

- Các chủ đề bài học liên quan đến chương trình SGK 10, 11, 12.

- Dạng bài:

1-Closed test

2-Fill in each blank with ONE suitable word

3-Reading comprehension.

4-Heading/ Title matching

E. Viết

1-Summarising

2-Chart describing (Miêu tả biểu đồ)

3-Essay writing - Viết đoạn văn theo chủ đề lớp 10, 11, 12 (200- 250 từ).

10. Môn Tiếng Nga

Chương trình	Nội dung	Ghi chú
Tiếng Nga 10	<p>+ Nghe hiểu: dựa theo các chủ đề trong các bài học. Các dạng bài: Nghe điền từ, Chọn đáp án đúng, Trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Từ vựng và ngữ pháp: Kiểm tra các hình thái từ (Danh từ, động từ, tính từ, số từ, trạng từ, từ vựng, liên từ). Các dạng bài: Chọn đáp án đúng, viết tiếp câu, từ đồng nghĩa - trái nghĩa.</p> <p>+ Độc hiểu: dựa theo các chủ đề trong các bài học. Các dạng bài: Chọn đáp án đúng, trả lời câu hỏi, trình bày ý kiến theo chủ đề bài đọc.</p> <p>+ Viết: Viết lại câu, Viết bài luận tối thiểu 250 từ dựa theo các chủ đề trong các bài học</p>	
Tiếng Nga 11	<p>+ Nghe hiểu: dựa theo các chủ đề trong các bài học. Các dạng bài: Nghe điền từ, Chọn đáp án đúng, Trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Từ vựng và ngữ pháp: Kiểm tra các hình thái từ (Danh từ, động từ, tính từ, số từ, trạng từ, từ vựng, liên từ). Các dạng bài: Chọn đáp án đúng, viết tiếp câu, từ đồng nghĩa - trái nghĩa.</p> <p>+ Độc hiểu: dựa theo các chủ đề trong các bài học. Các dạng bài: Chọn đáp án đúng, trả lời câu hỏi, trình bày ý kiến theo chủ đề bài đọc.</p> <p>+ Viết: Viết lại câu, Viết bài luận tối thiểu 250 từ dựa theo các chủ đề trong các bài học</p>	
Tiếng Nga 12	<p>+ Nghe hiểu: Nghe đoạn hội thoại, nghe bài khoá</p> <p>+ Từ vựng và ngữ pháp: Tính động từ, trạng động từ</p> <p>+ Độc hiểu: Đoạn đọc ngắn, bài khoá khoảng 400 từ.</p> <p>+ Viết: Đề tài theo SGK.</p>	

11. Môn Tiếng Pháp

A. Nghe

- Nội dung và mức độ phù hợp với chương trình SGK lớp 11 và đến Leçon 6 SGK lớp 12 chương trình hệ 7 năm.

- Dạng bài:

1-Vrai/ faux

2-QCM

B. Đọc hiểu

- Các chủ đề bài học liên quan đến chương trình SGK 10, 11, 12.

- Dạng bài:

1-Texte 1: Repondre aux questions

2-Texte 2: Texte a trou

C. Kiến thức ngôn ngữ

- Từ vựng: Thuộc chương trình SGK lớp 10, 11, 12. - như thi THPTQG
- Ngữ pháp:
 - + Thì của động từ.
 - + Câu điều kiện loại 1, 2, 3
 - + Chia động từ.
 - + Câu gián tiếp.
 - + Đại từ quan hệ.
 - + Câu bị động.
 - + Sự tương hợp giữa chủ ngữ và động từ.
 - + Từ đồng nghĩa, trái nghĩa.
 - + Các cấu trúc đặc biệt khác.
 - + Câu giao tiếp.
 - + Thành ngữ
 - + Dạng từ
 - + Từ cùng họ
- Dạng bài tập:
 - 1-QCM (Vocabulaire & Grammaire)
 - 2-Reecrire la phrase
 - 3-Transformer la phrase

D. Viết

- Viết đoạn văn theo chủ đề lớp 10, 11, 12 (200- 250 từ). (deux sujets)

12. Môn Tiếng Trung Quốc

STT	Phần	Dạng	Số câu	Số điểm
1	Nghe (5 điểm) (mức độ hsk5)	Nghe điền chỗ trống	10	2
		Nghe và phán đoán đúng/sai	10	1.5
		Nghe trả lời câu hỏi	5	1.5
2	Ngữ pháp – Từ vựng (4 điểm) (mức độ hsk5)	Chọn từ điền vào chỗ trống trong các câu riêng lẻ	5	1.0
		Chọn đáp án thích hợp giải thích từ gạch chân	5	1.0
		Sửa lỗi sai	5	1.0
		Chọn vị trí thích hợp của từ điền vào ABCD	5	1.0
3	Đọc hiểu (6 điểm) (mức độ hsk5)	Điền 1 chữ Hán thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn	10	1.5
		Đọc đoạn văn phán đoán đúng sai (đoạn văn khoảng 400-500 chữ, 10 câu chia 2 đoạn văn)	10	1.5
		Đọc đoạn văn và làm theo yêu cầu (chọn đáp	5	1.5

		án phù hợp với đoạn văn, căn cứ nội dung đoạn văn trả lời câu hỏi) Dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt	5	1.5
4	Viết (5 điểm)	Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh	5	1.0
		Viết đoạn văn tóm tắt khoảng 250 chữ Hán (<i>văn bản gốc khoảng 450- 500 chữ</i>)	1	1.0
		Viết 1 đoạn văn theo chủ đề với 10 từ cho sẵn (<i>đoạn văn khoảng 300 chữ</i>)	1	1.5
		Viết 1 bài văn theo chủ đề(<i>bài văn khoảng 500 chữ</i>)	1	2.0
	TỔNG			20

*** Nội dung kiến thức ôn tập**

- Kiến thức trong chương trình sách giáo khoa THPT Lớp 10, 11 CTPT 2018.
- Kiến thức theo chương trình nâng cao của khối chuyên Trung, dựa trên các giáo trình HSK5, HSK6, v.v...

PHẦN III: CẤP THPT BẢNG B

1. Môn Toán

Chủ đề	Nội dung	Ghi chú
Tổ hợp – Xác suất Thống kê	- Các quy tắc đếm. Hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp; - Nhị thức Newton; - Tính xác suất của biến cố theo định nghĩa cổ điển; - Tính xác suất bằng cách sử dụng các công thức cộng xác suất, nhân xác suất.	
Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân	- Các bài toán về dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân. - Các bài toán liên môn và ứng dụng thực tế.	
Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	- Phương trình đường thẳng; - Vị trí tương đối giữa 2 đường thẳng; Góc và khoảng cách; - Phương trình đường tròn.	
Hàm số lượng giác, phương trình lượng giác	- Giải phương trình lượng giác.	
Hàm số mũ và hàm số lôgarit	- Hàm số mũ và hàm số lôgarit; - Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit; - Các bài toán liên môn và ứng dụng thực tế.	
Quan hệ vuông góc trong không gian	- Chứng minh quan hệ vuông góc giữa 2 đường thẳng; giữa đường thẳng với mặt phẳng; giữa hai mặt phẳng; - Các bài toán tính góc, tính khoảng cách; - Tính thể tích hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp.	
Đạo hàm và ứng dụng của đạo hàm	- Viết phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số; - Xét tính đơn điệu và tìm cực trị của hàm số; - Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số; - Tìm tiệm cận của đồ thị hàm số; - Bài toán liên quan đến đồ thị hàm số; - Ứng dụng để giải một số vấn đề liên quan đến thực tế.	

2. Môn Vật lí

TT	Lớp	Nội dung	Ghi chú
1	10	Cơ học chất điểm	Dùng trong nền bài toán dao động, nhiệt, điện, quang.
2	11	Dao động cơ - Dao động điều hòa; - Dao động tắt dần; - Hiện tượng cộng hưởng.	
3		Giao thoa ánh sáng:	

		<ul style="list-style-type: none"> - Giao thoa với một ánh sáng đơn sắc; - Giao thoa với hai ánh sáng đơn sắc; - Giao thoa với ánh sáng trắng. 	
4		Điện một chiều: <ul style="list-style-type: none"> - Cường độ dòng điện; - Mạch điện trở; - Năng lượng điện, công suất điện. 	
5	12	Vật lý nhiệt <ul style="list-style-type: none"> - Sự chuyển thể của các chất; - Định luật 1 của nhiệt động lực học; - Thang nhiệt độ, nhiệt kế; - Nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hóa hơi riêng. 	
6		Khí lý tưởng <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình động học phân tử chất khí; - Định luật Boyle, Charles; - Phương trình trạng thái của khí lý tưởng; - Áp suất khí theo mô hình động học phân tử; - Động năng phân tử. 	

3. Môn Hóa học

TT	Chủ đề	Đánh giá năng lực	Cấp độ tư duy
1	Kiến thức cơ sở hóa học vô cơ: <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo nguyên tử - Bảng tuần hoàn - Liên kết hóa học - Phản ứng oxi hóa - khử - Năng lượng hóa học - Tốc độ phản ứng hóa học - Cân bằng hóa học 	Năng lực nhận thức hóa học	Nhận biết /Thông hiểu
2	Nitrogen - sulfur <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về thí nghiệm và liên hệ thực tiễn. - Bài tập tính toán về các hợp chất vô cơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực nhận thức hóa học - Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học - Kiến thức về thí nghiệm và liên hệ thực tiễn. 	Nhận biết /Thông hiểu - Vận dụng
3	Hữu cơ <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương hóa học hữu cơ Hydrocarbon - Alcohol – Phenol Hợp chất carbonyl (aldehyde, ketone) - Carboxylic acid - Kiến thức về thí nghiệm và liên hệ thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực nhận thức hóa học - Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học - 	Nhận biết-Thông hiểu - Vận dụng

4	Ester – lipid; Carbohydrate; Hợp chất chứa nitrogen; Polymer Kiến thức về thí nghiệm và liên hệ thực tiễn. Bài tập tính toán về các hợp chất hữu cơ.	Năng lực nhận thức hóa học + Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng
5	Pin điện	Nhận thức hóa học + Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng

4. Môn Sinh học

LỚP	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	Ghi chú
10	TẾ BÀO	<ul style="list-style-type: none"> - Các phân tử sinh học. - Chu kì tế bào và nguyên phân. - Giảm phân. - Thực hành làm tiêu bản NST để quan sát quá trình nguyên phân, giảm phân ở tế bào thực vật, động vật. 	15-20%
11	SINH HỌC CƠ THỂ	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi nước và khoáng ở thực vật. - Quang hợp ở thực vật. - Hô hấp ở thực vật. - Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật. - Hô hấp ở động vật. - Hệ tuần hoàn ở động vật. - Miễn dịch ở người và động vật. - Bài tiết và cân bằng nội môi. 	25-30%
12	DI TRUYỀN HỌC	<ul style="list-style-type: none"> - Gene và sự tái bản DNA. - Sự biểu hiện thông tin di truyền. - Điều hòa biểu hiện gene - Đột biến gene. - Nhiễm sắc thể và cơ chế di truyền nhiễm sắc thể. - Đột biến NST. - Di truyền Mendel và mở rộng học thuyết Mendel. - Di truyền liên kết giới tính, liên kết gene và hoán vị gene. - Di truyền ngoài nhân - Di truyền học quần thể. 	50-60%

5. Môn Tin học

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Nhập, xuất dữ liệu	<i>- Hình thức thi: lập trình trên máy tính</i> <i>- Ngôn ngữ lập trình là C++ hoặc Python</i>
2	Câu lệnh rẽ nhánh	
3	Câu lệnh lặp	
4	Kiểu dữ liệu danh sách (mảng)	
5	Kiểu xâu ký tự	
6	Kiến thức toán học	

6. Môn Ngữ văn

Tổng điểm	20 điểm	
Cấu trúc đề	Gồm 2 phần, 3 câu	
	Phần Đọc hiểu <i>(5 câu, 6,0 điểm)</i>	Phần Viết Gồm viết 1 đoạn văn nghị luận xã hội <i>(4,0 điểm)</i> và viết 1 bài nghị luận văn học <i>(10,0 điểm)</i> .
Phạm vi kiến thức, dạng câu hỏi	Đọc hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ liệu là văn bản nghị luận xã hội hiện đại. - Câu hỏi gồm 5 câu: 3 câu thông hiểu, mỗi câu 1,0 điểm; 2 câu vận dụng, mỗi câu 1,5 điểm (<i>không sử dụng câu hỏi nhận biết</i>). 	Viết đoạn nghị luận xã hội: Sử dụng ngữ liệu phần đọc hiểu để biên soạn câu hỏi viết đoạn nghị luận xã hội. Viết bài nghị luận văn học: <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ liệu là <i>văn bản thơ hiện đại hoặc truyện hiện đại thuộc các thể loại của lớp 11 và học kì 1, lớp 12</i>. - Câu hỏi: Dạng 1: Cảm nhận văn bản để làm sáng tỏ 1 vấn đề (1 nhận định về đặc trưng thể loại hoặc đánh giá về tác phẩm). Dạng 2: Cho 1 nhận định lí luận, làm sáng tỏ bằng văn bản dẫn trong đề bài. - Phạm vi nhận định lý luận văn học: <ul style="list-style-type: none"> + Đặc trưng văn học + Chức năng văn học + Phong cách văn học + Đặc trưng thể loại: thơ, truyện + Nhà văn và quá trình sáng tạo + Tiếp nhận văn học Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng lệnh đề: “<i>Bằng trải nghiệm văn học</i>”. - Ngữ liệu văn học được đưa vào đề cần có chú thích về tác giả, tác phẩm;

		<i>nếu là đoạn trích thì cần có phần tóm tắt nội dung chính của tác phẩm.</i> <i>- Tổng ngữ liệu đưa vào đề không quá 1300 chữ.</i>
--	--	--

7. Môn Lịch sử

TT	Lớp	Tên chủ đề/chuyên đề	Ghi chú
1	11	Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông	
2	12	Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh	
3		ASEAN: những chặng đường lịch sử	
4		Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (1945 - nay) (Bao gồm bài cả bài 6 và bài 7)	

8. Môn Địa lí

STT	Chủ đề	Đánh giá năng lực	Cấp độ tư duy
1	Địa lí tự nhiên: (lớp 10) - Khí quyển - Thủy quyển	- Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Nhận biết/Thông hiểu/Vận dụng
2	Địa lí công nghiệp: (lớp 10) - Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp - Địa lí một số ngành công nghiệp	- Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí	Nhận biết/Thông hiểu
3	Địa lí Tự nhiên: (lớp 12)	- Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Nhận biết/Thông hiểu/Vận dụng
4	Địa lí Dân cư: (lớp 12)	- Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức đã học	Nhận biết/Thông hiểu/Vận dụng
	Địa lí các ngành kinh tế: (lớp 12) - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	- Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức	Nhận biết/Thông hiểu/Vận dụng

5	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp - Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản 	đã học	
6	Kỹ năng Địa lí: <ul style="list-style-type: none"> - Biểu đồ, bảng số liệu: nhận xét, giải thích. - Kỹ năng tính toán, xử lý số liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực nhận thức khoa học địa lí - Năng lực tìm hiểu địa lí - Năng lực vận dụng kiến thức đã học 	Thông hiểu/Vận dụng

9. Môn Tiếng Anh

TT	Knowledge / Copetence	Unit of knowledge Đơn vị kiến thức	Level of thinking Cấp độ tư duy			Total (%)
			Know ledge	Underst anding	Appic ation	
1	Listening (15s x 0,2 = 3 points)	1. Gap- filling in an article, announcement, conversation ...(5s) 2. Listening and choosing the best answer A,B,C,D. (5s) 3. Matching (5s) Theo các chủ đề đã học trong chương trình 10,11, và học kỳ 1 của lớp 12.		7	8	15 questions
2	LEXICO-GRAM (30s x 0,2 = 6 points)	1. Phonetics <ul style="list-style-type: none"> - 2 questions + Ending sounds /s/es/ or /ed/ + Monothong , Dipthong , Consonant - 3 questions + Two-syllable words + Three-syllable words * Vocab & gram 2. Gap- filling questions and reading advertisements/announcements. Prepositions Articles Conjunctions Verb form Verb tenses Reduced relative/ advebial clauses. Word form Order of Adjs Phrasal verb Comparison Quantities Modal verbs Word choice Collocation/ Idoms	10	10	10	30 questions

		Synonym Antonym (Lưu ý: số lượng từ trong bài reading advertisements/announcements giao động từ 100ws-150ws)				
3	READING (30s x 0,2 = 6 points)	1. Reading (đọc hiểu mạch lập luận) (5s) 2. Closed text (10s) 3. Reading comprehension.(15s) Theo các chủ đề trong chương trình lớp 10, 11 và kỳ 1 lớp 12 (Lưu ý: số lượng từ trong các bài reading giao động từ 200ws - 350ws)	4	14	12	30 questions
4	WRITING (5 points)	1. Mistake correction (10s x 0.2 = 2pts) + Subject and verb agreement + Subjunctive mood + Noun Clause + Conditional sentences + Passive sentences + Reported speech + Inversion + Sequence of tenses + Word form + Confusing word 2. Writing a letter (120-150 ws = 1pt) 3. Writing an essay (250-300 ws= 2pts) Theo các chủ đề trong chương trình lớp 10, 11 và kỳ 1 lớp 12	3	3	4	10 MCQ + 2 writings
Total			17s= 3,4pts	34s = 6,8pts	34s = 6,8pts	17 MCQ pts + 3pts for writing = 20 pts
Rate %			20%	40%	40%	100%
General rate			60%		40%	100%

10. Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

TT	Lớp	Nội dung	Ghi chú
1	11	Giáo dục kinh tế * Chủ đề 1: Cạnh tranh – Cung cầu trong nền kinh tế thị trường - Bài 1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường - Bài 2. Cung cầu trong nền kinh tế thị trường	

		* Chủ đề 2: Lạm phát, thất nghiệp - Bài 3. Lạm phát - Bài 4. Thất nghiệp	
2		Giáo dục pháp luật * Chủ đề 7 : Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật - Bài 9. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật - Bài 11. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc * Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân - Bài 13. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội - Bài 14. Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.	
3	12	Giáo dục kinh tế * Chủ đề 1: Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế (Bài 1) * Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế (Bài 2) * Chủ đề 3: Bảo hiểm và An sinh xã hội - Bài 3. Bảo hiểm - Bài 4. An sinh xã hội	